TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **750**/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 24- 4- 2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X – THÀNH PHỐ H

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công T

2. Bà Phạm Ngọc L

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyên K- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực X tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Thương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực X- Thành phố H (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 543/2025/HNST ngày 16/10/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Thu H, sinh ngày xx/xx/xxxx,

CCCD số 09419xxxx009

Địa chỉ: 31/17 đường H, phường T, Thành phố H,

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Dương Chí K, sinh năm ngày xx/xx/xxxx,

CCCD số 07908xxxx484

Địa chỉ: 131/17 H, phường T, Tp. H.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, biên bản không tiến Hnh hòa giải được, nguyên đơn bà Sơn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Dương Chí K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 189, ngày xx/xx/xxxx của Ủy ban nhân dân phường P, quận T (nay là phường T), Tp. H.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Hai bên không tôn trọng nhau, thường xuyên cự cãi và có lời lẽ xúc phạm nhau nặng nề. Dù bà đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, bà không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu ly hôn với ông K để ổn định tinh thần, cuộc sống.

- *Về con chung*: Bà H khai có 02 con chung tên Dương Gia K, sinh ngày 03/8/2013 và Dương Gia Thắng, sinh ngày 23/10/2014. Khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà H khai không có

- *Về nợ chung*: Bà H khai không có.

Bị đơn ông Dương Chí K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Sơn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Dương Chí K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến Hnh tố tụng từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Sơn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Dương Chí K, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Dương Chí K có nơi cư trú tại địa chỉ 131/1 H, phường T, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực x, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Sơn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn ông Dương Chí K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông K đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan, nên căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ Giấy Chứng nhận kết hôn số 189, ngày 21/8/2013 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T (nay là phường T), Thành phố H có đủ cơ sở xác định bà Sơn Thị Thu H và ông Dương Chí K đã xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Sơn Thị Thu H trình bày cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không còn phù hợp. Hai bên không còn quan tâm nhau, chăm sóc lẫn nhau, mỗi bên có cuộc sống riêng và đã ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, bà không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã triệu tập ông K đến Tòa để hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng ông K đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H, điều này thể hiện ông K không còn mong muốn hòa giải Hn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu…có nghĩa vụ sống chung…" "vợ chồng có nghĩa tôn trọng, giữ gìn bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau ".

Từ những lời trình bày của đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông K đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu; hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng nhau nên tình trạng hôn nhân giữa hai bên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể Hn gắn; đời sống chung vợ chồng không thế kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Sơn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Dương Chí K là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Sơn Thị Thu H khai có 02 con chung tên Dương Gia K, sinh ngày 03/8/2013 và Dương Gia Thắng, sinh ngày 23/10/2014. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, ông K không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc nuôi con sau khi ly hôn nên không có cơ sở xem xét ý kiến của ông K. Con chung Dương Gia K và Dương Gia Thắng trình bày nguyện vọng sống chung với mẹ, vì vậy, để ổn định tâm sinh lý và vì quyền lợi về mọi mặt của các con nên quyết định giao 02 con chung cho bà Sơn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông K do bà H không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Thu H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Sơn Thị Thu H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do nguyên đơn bà Sơn Thị Thu H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025);

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Thu H được ly hôn với ông Dương Chí K.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 189, ngày 21/8/2013 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T (nay là phường T), Thành phố H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Gia K, sinh ngày 03/8/2013 và Dương Gia Thắng, sinh ngày 23/10/2014. Bà Sơn Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Dương Chí K do bà Sơn Thị Thu H không yêu cầu.

Trong trường hợp bà H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà H cùng các tHnh viên trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Sơn Thị Thu H phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026624 ngày 15/10/2025 của Thi Hnh án dân sự Thành phố H. Bà Sơn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Thi Hnh tại cơ quan Thi Hnh án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án này được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 của Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. H;
- VKSND khu vực x;
- THADS Tp. H;
- UBND phường T, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc N